

Bản án số: 44/2019/HS-ST
Ngày 28 - 5 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Na.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đinh Thị Thao

Bà Vy Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Mã Văn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 40/2019/TLST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2019/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Phạm Hữu A, sinh ngày 27 tháng 7 năm 1985 tại huyện B, tỉnh Nam Định; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú Thôn V, xã H, huyện B, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Không; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; Con ông: Phạm Hữu H và bà Phạm Thị N; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không; tiền án: Ngày 09 tháng 3 năm 2009 bị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; nhân thân: Có 01 tiền án chưa được xóa án tích; bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 24 tháng 01 năm 2019; có mặt.

2. Hoàng Văn B, sinh ngày 21 tháng 5 năm 1991 tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú Thôn T, xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Tày; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Hoàng Văn V và bà Liễu Thị Q; có vợ: Bé Thị M; con: Có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 24 tháng 01 năm 2019; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Đoàn Văn S, sinh năm 1982; nơi cư trú: Số nhà X, đường Y, khu D, thị trấn G, huyện K, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

Anh Nguyễn Đình I; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 40 phút ngày 24 tháng 01 năm 2019 tại km 34 quốc lộ 1A thuộc địa phận thôn B, xã U, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, Công an huyện Chi Lăng bắt quả tang Phạm Hữu A đi trên xe ô tô khách biển kiểm soát 12B-004.69 hướng Lạng Sơn - Hà Nội do Vi Văn P điều khiển, kiểm tra thu giữ gồm: 01 thùng bia catton được quấn chặn bông màu vàng và để trong 01 chiếc túi nilon kẻ caro, bên trong thùng bia catton có 07 hộp vỏ giấy đa màu sắc, kích thước 14cm x 14cm x 15cm, mỗi hộp có 36 ống hình trụ được liên kết với nhau thành khối, trọng lượng là 9,8kg; 01 hộp vỏ giấy đa màu sắc kích thước 17cm x 17cm x 15cm có 49 ống hình trụ được liên kết với nhau thành khối, trọng lượng là 1,8 kg; 01 túi nilon màu đen, bên trong có 12 vật hình bóng điện tròn, một đầu hình trụ kích thước 02cm x 03cm có dây dẫn, một đầu hình cầu đường kính 04cm, trọng lượng là 0,4 kg. Tổng trọng lượng của 03 loại đồ vật đã thu giữ là 12kg. 01 chiếc túi xách giả da màu nâu, bên trong có 05 túi nilon chứa các chất tinh thể rắn màu trắng; 02 túi nilon có chứa chất bột màu trắng; 01 túi nilon màu đen có chứa chất thảo dược màu vàng nhạt; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI MYA-L22 màu đen. Phạm Hữu A khai nhận: Hoàng Văn B cho 02 hộp pháo loại 36 ống; 01 hộp loại 49 ống và Hoàng Văn B mua hộ cho Phạm Hữu A 02 hộp loại 36 ống. Nguyễn Đình I ở cùng thôn với Hoàng Văn B cho Phạm Hữu A 02 hộp loại 36 ống và 12 quả pháo dạng bóng điện tròn; 05 túi nilon chứa các chất tinh thể rắn màu trắng và 02 túi nilon có chứa chất bột màu trắng là Hoàng Văn B cho; 01 túi nilon có chứa chất thảo dược màu vàng nhạt là của Phạm Hữu A cất giữ để sử dụng.

Tại Bản kết luận giám định số 71/KL-PC09 ngày 25 tháng 01 năm 2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: Mẫu vật thu giữ của Phạm Hữu A gửi giám định có chứa thuốc pháo, khi đốt gây ra tiếng nổ.

Tại Bản kết luận giám định số 86/KL-PC09 ngày 26 tháng 01 năm 2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: Phong bì thư ký hiệu "Số 01": Các chất tinh thể rắn màu trắng thu giữ của Phạm Hữu A gửi giám định có khối lượng 16,374 gam không tìm thấy chất ma túy; phong bì thư ký hiệu "Số 02": Chất bột màu trắng thu giữ của Phạm Hữu A gửi giám định là chất ma túy Heroine, có khối lượng 0,073 gam; phong bì thư ký hiệu "Số 03": Chất thảo dược màu vàng nhạt thu giữ của Phạm Hữu A gửi giám định có khối lượng 0,894 gam có thành phần chất 5F - ADBICA.

Ngày 25 tháng 01 năm 2019 Công an huyện Chi Lăng đã tiến hành tiêu hủy số pháo nổ còn lại sau giám định; 01 thùng bìa carton; 01 túi nilon kẻ caro; 01 túi nilon màu đen và 01 chiếc chăn bông màu vàng.

Cáo trạng số 45/CT-VKSCL ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng đã truy tố các bị cáo Phạm Hữu A và Hoàng Văn B về tội Vận chuyển hàng cấm theo điểm c khoản 1 Điều 191 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Phạm Hữu A bị truy tố thêm tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm a khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đều thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là đúng hành vi mà các bị cáo đã thực hiện. Đối với vật chứng đã thu giữ bị cáo Phạm Hữu A đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên Bản cáo trạng truy tố và phác thảo quan điểm về việc giải quyết vụ án, đồng thời đánh giá động cơ, mục đích, tác hại của hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuy nhiên bố các bị cáo Phạm Hữu A, Hoàng Văn B phạm tội Vận chuyển hàng cấm. Bị cáo Phạm Hữu A phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Về hình phạt: Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 191; các 17, 38, 50, 58, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 249; Điều 55 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Hữu A.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 191; các 17, 38, 50, 58, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn B.

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Phạm Hữu A từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội Vận chuyển hàng cấm, từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Hình phạt chung cho cả hai tội bị cáo phải chấp hành là 03 đến 04 năm tù.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn B từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng vụ án:

Tịch thu và tiêu hủy: 03 (ba) phong bì thư niêm phong dán kín, bên trong là mẫu vật hoàn lại sau giám định; 01 chiếc túi xách giả da màu nâu.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI MYA-L22.

Phản tranh luận: Bị cáo Phạm Hữu A đề nghị xem xét về tội tàng trữ trái phép chất ma túy mà mức án đề nghị của Viện kiểm sát từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng là nặng.

Kiểm sát viên đối đáp ý kiến của bị cáo Phạm Hữu A với mức đề nghị là phù hợp với bị cáo bị truy tố về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm a khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự có khung hình phạt từ 01 năm đến 05 năm tù, mà Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng là phù hợp với bị cáo đã có một tiền án chưa được xóa án tích.

Bị cáo Phạm Hữu A không có ý kiến tranh luận với ý kiến đối đáp của đại diện viện kiểm sát.

Bị cáo Hoàng Văn B không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Ngày 22 tháng 01 năm 2019 bị cáo Phạm Hữu A được Hoàng Văn B cho 02 gói pháo loại 36 quả/một gói và 01 gói loại 49 quả/một gói, số pháo nổ này Hoàng Văn B biếu cho Phạm Hữu A để làm quà mang về quê sử dụng. Đến trưa ngày 23 tháng 01 năm 2019 bị cáo Phạm Hữu A nhờ Hoàng Văn B mua hộ thêm 03 gói pháo loại 36 quả/một gói. Nguyễn Đình I bạn của Hoàng Văn B biếu cho Phạm Hữu A 02 gói pháo loại 36 quả /một gói và 12 quả pháo dạng bóng điện hình tròn không lấy tiền. Trước đó tối ngày 20 tháng 01 năm 2019 Hoàng Văn B đã cho Phạm Hữu A 03 túi nilon nhỏ chứa các hạt tinh thể màu trắng, 01 túi nilon có chứa chất bột màu trắng và 01 túi nilon không, Hoàng Văn B nói đây là ma túy đá và ma túy tổng hợp giả. Phạm Hữu A nhận số ma túy của B cho và chia 03 túi hạt tinh thể rắn màu trắng thành 05 túi nilon, 01 túi bột màu trắng thành 02 túi, sau đó cất vào trong túi xách giả da màu nâu và cùng toàn bộ số pháo nổ của B mua hộ và số pháo nổ của B và I biếu để vận chuyển về tỉnh Nam Định. Trên đường vận chuyển bị bắt giữ. Như vậy có đủ cơ sở khẳng định bị cáo Phạm Hữu A và Hoàng Văn B đã có hành vi phạm tội quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 Bộ luật Hình sự, bị cáo Phạm Hữu A phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm a khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[3] Đây là vụ án đồng phạm nhưng chỉ là đồng phạm trong trường hợp giản đơn, không có tổ chức trong đó Phạm Hữu A là người giữ vai trò chính, bị cáo đã dùng điện thoại gọi người tên E gửi tiền cho bị cáo để mua pháo nổ và

nhờ Hoàng Văn B đi mua pháo hộ, ngo ã ra bị cáo còn được Hoàng Văn B và Nguyễn Đình I cho không pháo nổ và cho ma túy. Đối với hành vi vận chuyển pháo nổ, bị cáo Phạm Hữu A đã có một tiền án về tội mua bán trái phép chất ma túy, tại bản án số 27/2009 ngày 09 tháng 3 năm 2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xử phạt 07 năm 06 tháng tù, ngày 11 tháng 5 năm 2016 bị cáo chấp hành xong bản án tỉnh Nam Định, tính đến ngày 24 tháng 01 năm 2019 bị cáo phạm tội vận chuyển hàng cấm, do đó bị cáo chưa đủ điều kiện được xóa án tích theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng hình sự, nên phải chịu hình phạt tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự là tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm. Bị cáo phạm tội được xác định là tái phạm, nên hành vi tàng trữ trái phép 0,073 gam Heroine và 0,894 gam chất thảo dược có thành phần chất 5F - ADBICA, do đó bị cáo Phạm Hữu A bị truy tố, xét xử về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Đối với bị cáo Hoàng Văn B là người cho và mua hộ pháo nổ cho Phạm Hữu A và cũng chính bị cáo cho Phạm Hữu A ma túy Heroine, tuy nhiên hành vi cho ma túy của bị cáo Hoàng Văn B chưa đủ khối lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Chi Lăng đã chuyển hồ sơ đến Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn để xử lý hành chính là có căn cứ. Đối với hành vi cho và mua hộ pháo nổ của bị cáo Hoàng Văn B là đồng phạm, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự cùng với bị cáo Phạm Hữu A về tội Vận chuyển hàng cấm, nhưng với vai trò ít quan trọng hơn bị cáo Phạm Hữu A, nên phải chịu mức hình phạt thấp hơn bị cáo Phạm Hữu A.

[5] Hành vi vận chuyển pháo nổ của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, thương mại. Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản cấm sản xuất, vận chuyển, buôn bán và đốt các loại pháo nổ. Các bị cáo Phạm Hữu A và Hoàng Văn B là người có thể chất phát triển bình thường, có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi vận chuyển pháo nổ là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Đối với bị cáo Phạm Hữu A đã bị Tòa án tỉnh Nam Định xét xử về tội mua bán trái phép chất ma túy, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà vẫn sử dụng trái phép chất ma túy. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên cần xử lý nghiêm minh đối với hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy đối với bị cáo Phạm Hữu A.

[6] Để cá thể hóa hình phạt, ngo ã việc xem xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội nêu trên còn phải xem xét đến nhân thân, hình phạt tăng nặng, hình phạt giảm nhẹ để quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[7] Về nhân thân: Đối với Phạm Hữu A là người nghiện ma túy đã có một tiền án, tại bản án số 27/2009/HSPT ngày 09 tháng 3 năm 2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định, xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội mua bán trái phép chất ma túy (chưa được xóa án tích), nên bị cáo có nhân thân xấu. Đối với bị cáo Hoàng Văn B chưa bị pháp luật xử lý nên có nhân thân tốt.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Hoàng Văn B được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp í nghiêm trọng theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[9] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Phạm Hữu A có một tiền án chưa được xóa án tích, nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Hoàng Văn B không có tình tiết tăng nặng.

[10] Từ những phân tích, nhận định nêu trên, xét thấy cần xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng đối với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra, cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục và phòng ngừa chung.

[11] Về hình phạt bổ sung: tại biên bản xác minh ngày 14 tháng 3 năm 2019 và biên bản xác minh ngày 27 tháng 02 năm 2019, xác định các bị cáo Phạm Hữu A và Hoàng Văn B không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[12] Về vật chứng: Đối với 03 (ba) phong bì thư niêm phong dán kín, bên trong là mẫu vật hoàn lại sau giám định; 01 túi xách giả da màu nâu là những vật chứng Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành và không có giá trị sử dụng cần tịch thu và tiêu hủy là có căn cứ. Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI MYA-L22 là điện thoại của bị cáo Phạm Hữu A dùng để liên lạc và cầm đồ để lấy tiền mua pháo nổ, nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước là có căn cứ.

[13] Đối với Vi Văn P là lái xe và Lâm Văn C là phụ xe ô tô biển kiểm soát 12B-044.69 không biết trong hành lý của Phạm Hữu A có chứa pháo nổ và ma túy nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Chi Lăng không xem xét trách nhiệm là có cơ sở.

[14] Đối với người đàn ông tên E ngày 18 tháng 01 năm 2019 đã gửi số tiền 10.000.000 đồng cho bị cáo Phạm Hữu A, do A và E liên lạc qua mạng xã hội zalo bị cáo A không biết địa chỉ của E, nên không thể điều tra xác minh.

[15] Đối với Trần Thị X và Hoàng Văn Y đã giúp E và bị cáo Phạm Hữu A làm thủ tục chuyển và nhận tiền, nhưng X và Y không biết mục đích chuyển, nhận tiền của E và A, nên không có căn cứ để xử lý.

[16] Đối với Trần Thị R được cùng Phạm Hữu A lên thị trấn G, huyện K, tỉnh Lạng Sơn chơi, nhưng R không biết mục đích của Phạm Hữu A, nên không xem xét trách nhiệm hình sự là có cơ sở.

[17] Đối với Hoàng Thị Z, không biết Hoàng Văn B cất giấu pháo nổ tại nhà của Z, nên không xem xét trách nhiệm là đúng pháp luật.

[18] Đối với Nguyễn Đình I đã cho Phạm Hữu A 02 dãn pháo và 12 quả pháo hình bóng điện tròn, có tổng trọng lượng là 3,2 kg chưa đủ trọng lượng để xử lý hình sự, nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chi Lăng đã chuyển hồ sơ đến Ủy ban nhân dân xã M, huyện L để xử lý hành chính là có căn cứ.

[19] Đối với người đàn ông Trung Quốc tên là Đ đã bán pháo nổ cho Hoàng Văn B và người đàn ông Trung Quốc tên J cho Hoàng Văn B 03 túi hạt tinh thể màu trắng và 01 túi bột màu trắng là các chất ma túy, nhưng do Đ và J là người nước ngoài và không xác định được họ, tên, địa chỉ, nên không có cơ sở để điều tra xác minh.

[20] Đối với bị cáo Hoàng Văn B trong cùng vụ án đã có hành vi tàng trữ 0,073gam heroine nhưng chưa đủ trọng lượng để xử lý hình sự, nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chi Lăng đã chuyển hồ sơ cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện L để xử lý hành chính là có căn cứ.

[21] Đối với chất tinh thể rắn màu trắng Hoàng Văn B cho Phạm Hữu A được niêm phong trong phong bì thư “số 01” gửi giám định có khối lượng 16,374g, không tìm thấy chất ma túy, nên không có căn cứ để xem xét xử lý đối với các bị cáo về hành vi này.

[22] Các trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng đã truy tố các bị cáo Phạm Hữu A, Hoàng Văn B theo tội danh và điều luật trong Bộ luật Hình sự nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Mức hình phạt của Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa đề nghị là phù hợp nên cần được chấp nhận.

[23] Về án phí Do các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 191; các Điều 17, 38, 50, 58, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; điểm a khoản 1 Điều 249; Điều 55 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Hữu A.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 191; các Điều 17, 38, 50, 58, điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn B.

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Hữu A, Hoàng Văn B phạm tội Vận chuyển hàng cấm. Bị cáo Phạm Hữu A phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Phạm Hữu A 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Vận chuyển hàng cấm; 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Hình phạt chung bị cáo phải chấp hành là 04 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam, ngày 24 tháng 01 năm 2019.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn B 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 24 tháng 01 năm 2019.

2. Vật chứng:

Tịch thu và tiêu hủy: 03 (ba) phong bì thư niêm phong dán kín, bên trong là mẫu vật hoàn lại sau giám định; 01 (một) chiếc túi xách giả da màu nâu.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI MYA-L22, màu xám đen, số IMEI 1: 867626033346499, IMEI 2: 867626033361662. (Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Chi Lăng với Chi cục thi hành án dân sự huyện Chi Lăng ngày 10 tháng 5 năm 2019).

Án phí Các bị cáo Phạm Hữu A và Hoàng Văn B mỗi người phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách nhà nước.

Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Văn Na